

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 20-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.
2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoài T1 (tên gọi khác: L), sinh năm 1996, tại xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp không; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng G và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; anh, em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất 12 tuổi; tiền án không; tiền sự: Vào ngày 27 tháng 3 năm 2018, bị Công an huyện M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa chấp hành nộp phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 cho đến nay (bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Văn R (tên gọi khác: G), sinh năm 1992, tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú hiện nay ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp không; trình độ văn hoá 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị N; chưa có vợ, con; anh, chị em ruột có

03 người, lớn nhất 31 tuổi, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án không; tiền sự 02 tiền sự: Vào ngày 10 tháng 5 năm 2018 và ngày 19 tháng 7 năm 2018, bị Công an huyện M xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng cả hai lần chưa chấp hành nộp phạt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Lâm Văn P, sinh năm 1986 (có mặt).
 2. Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1986 (có mặt).
 3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1974 (có mặt).
 4. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1969 (có mặt).
- Cùng nơi cư trú ở ấp T, xã L, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1984; nơi cư trú ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
2. Ông Đỗ Thanh H3, sinh năm 1985; nơi cư trú khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Hoài T1 một mình đi đến quán cà phê của ông Phan Văn D, địa chỉ ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngồi uống cà phê, khoảng 10 phút sau thì có anh Lâm Văn P điều khiển xe mô tô biển số 83S5-7882 hiệu Wave Alpha, màu đen - bạc đến đậu trước quán nhưng quên rút chìa khóa xe, anh P vào ngồi đánh bài. T1 nảy sinh ý định trộm xe của anh P, lợi dụng lúc anh P và mọi người không để ý nên T1 đã lén lút lấy xe, đề máy chạy về hướng ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì gặp Nguyễn Văn R tại nhà của Nguyễn Thị Mỹ T3, T1 nhờ R đem xe đi tiêu thụ; T1 có nói với R, em mới “đá” (trộm) được chiếc xe, anh coi chỗ nào cầm hay đổi “đồ” (tức đổi ma túy), lúc đầu R không đồng ý nhưng T1 nói một hồi thì R đồng ý. Sau đó, R điều khiển xe mô tô biển số 83S5-7882 chở T1 đến tiệm game V, địa chỉ khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ, với giá 3.000.000 đồng (quy đổi ra lấy ma túy với số tiền 3.000.000 đồng), T1 và R chia nhau sử dụng hết số ma túy này.

Trong quá trình đang xác minh làm rõ thì, rạng sáng ngày 29 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Hoài T1 một mình vào nhà anh Nguyễn Văn H2, địa chỉ ấp T, xã L,

huyện M, tỉnh Sóc Trăng lén lút lấy trộm một cái bóp da bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô, giấy mua bán xe mô tô của anh H2 và 01 điện thoại di động hiệu Venistar của anh Nguyễn Văn H1 (anh H1 ngủ chung với anh H2). Sau đó, T1 đem cầm điện thoại di động tại tiệm N thuộc xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được 800.000 đồng. Sau đó, bị cáo tự nguyện chuộc lại chiếc điện thoại di động hiệu Venistar để trả lại cho bị hại Nguyễn Văn H1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 42/KLĐGTS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, Kết luận: 01 xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu đen - bạc mua tháng 4 năm 2010 với giá 14.700.000 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.647.500 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KLĐGTS ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỹ Tú, Kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Venistar; Model:M7 mua tháng 7 năm 2018 giá 1.200.000 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 765.000 đồng.

Riêng cái bóp và giấy tờ xe của anh Nguyễn Văn H2 giá trị không lớn, anh H2 không yêu cầu định giá tài sản.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Venistar, Model: M7 của anh Nguyễn Văn H1; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H2, 01 giấy đăng ký xe mô tô; 01 giấy mua bán xe và 01 bóp da màu vàng của Nguyễn Văn H2, sau khi làm rõ đã trả lại cho chủ sở hữu. Riêng xe mô tô biển số 83S5-7882 do T1 và R bán cho người đàn ông lạ mặt, không rõ họ tên, địa chỉ nên không thu hồi được.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Lâm Văn P và Hồ Hoài T2 thống nhất với nội dung bản cáo trạng, đề nghị xử các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bị cáo bồi thường cho các bị hại giá trị chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha theo kết luận định giá có giá trị còn lại là 8.647.500 đồng.

Các bị hại Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn H2 đề nghị xử lý bị cáo T1 theo quy định pháp luật về các tài sản bị mất thì đã nhận lại đủ nên không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-MT ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoài T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hoài T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hoài T1: Ngoài lần trộm cắp tài sản là chiếc xe của anh Lâm Văn P vào ngày 15/7/2018 có giá trị 8.647.500 đồng đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì, ngày 29/9/2018, bị cáo T1 còn trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn H1 là chiếc điện thoại di động có giá trị 765.000 đồng, do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản của người khác vào ngày 27/3/2018, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt và chưa hết thời hiệu được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên lần trộm này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thật thà khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T1 từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn R: Bị cáo không hứa hẹn trước với bị cáo T1 nhưng biết rõ tài sản chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha do Nguyễn Hoài T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn cố ý đem bán để đổi lấy ma túy sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa nộp phạt và chưa hết thời hiệu được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Hoài T1, bị cáo Nguyễn Văn R không có ý kiến tự bào chữa.

Bị cáo Nguyễn Hoài T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn R không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người làm chứng Đỗ Thanh H3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoài T1 và Nguyễn Văn R đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

[3.1] Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15 tháng 7 năm 2018, bị cáo Nguyễn Hoài T1 một mình đi đến quán cà phê của ông Phan Văn D, địa chỉ ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngồi uống cà phê và bị cáo T1 nảy sinh ý định trộm xe của anh P, lợi dụng lúc anh P và mọi người không để ý nên T1 đã lén lút lấy xe, đề máy chạy về hướng ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì gặp Nguyễn Văn R tại nhà của Nguyễn Thị Mỹ T3, T1 nhờ R đem xe đi tiêu thụ. Sau đó, R điều khiển xe mô tô biển số 83S5-7882 chở T1 đến tiệm game V, địa chỉ khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bán cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ, với giá 3.000.000 đồng, quy đổi lấy ma túy với số tiền 3.000.000 đồng, T1 và R chia nhau sử dụng hết số ma túy này. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 42/KLĐGTS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, Kết luận: 01 xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu đen - bạc mua tháng 4 năm 2010 với giá 14.700.000 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.647.500 đồng.

[3.2] Ngoài ra, vào rạng sáng ngày 29 tháng 9 năm 2018, Nguyễn Hoài T1 một mình vào nhà anh Nguyễn Văn H2, địa chỉ ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc

Trăng lén lút lấy trộm một cái bóp da bên trong có giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô, giấy mua bán xe mô tô của anh H2 và 01 điện thoại di động hiệu Venistar của anh Nguyễn Văn H1 (anh H1 ngủ chung với anh H2). Sau đó, T1 đem cầm điện thoại di động tại tiệm N thuộc xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được 800.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KLĐGTS ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, Kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Venistar; Model:M7 mua tháng 7 năm 2018 giá 1.200.000 đồng, giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 765.000 đồng.

[3.3] Hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha do anh Lâm Văn P đứng tên chủ sở hữu theo kết luận định giá có giá trị còn lại là 8.647.500 đồng nêu trên của bị cáo Nguyễn Hoài T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Ngoài lần trộm cắp tài sản là chiếc xe của anh Lâm Văn P nêu trên thì, ngày 29/9/2018, bị cáo T1 còn trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn H là chiếc điện thoại di động có giá trị 765.000 đồng, do bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản của người khác vào ngày 27/3/2018, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt và chưa hết thời hiệu được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên lần trộm này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần.

[3.4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn R: Bị cáo không hứa hẹn trước với bị cáo T1 nhưng biết rõ tài sản chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha do Nguyễn Hoài T1 trộm cắp mà có nhưng vẫn cố ý đem bán để đổi lấy ma túy sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[4] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Hoài T1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Hoài T1 và Nguyễn Văn R là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội

của các bị cáo để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo như sau:

[6.1] - Bị cáo Nguyễn Hoài T1 phạm tội 02 lần nên có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện chuộc lại chiếc điện thoại di động hiệu Venistar để trả lại cho bị hại Nguyễn Văn H1, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6.2] - Bị cáo Nguyễn Văn R không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa nộp phạt và chưa hết thời hiệu được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T1 từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R từ 09 tháng tù đến 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lâm Văn P và Hồ Hoài T2 yêu cầu các bị cáo bồi thường cho các bị hại giá trị chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha theo kết luận định giá có giá trị còn lại là 8.647.500 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T1 và bị cáo R đồng ý liên đới bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha với giá trị còn lại là 8.647.500 đồng cho các bị hại P và bị hại T2 với số tiền cụ thể như sau: Bị cáo T1 đồng ý bồi thường 2/3 giá trị còn lại của chiếc xe mô tô của anh P, chị T2 đã mất với số tiền 5.765.000 đồng; bị cáo R đồng ý bồi thường 1/3 giá trị còn lại của chiếc xe mô tô của anh P, chị T2 đã mất với số tiền 2.882.500 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 587 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận. Buộc bị cáo T1 bồi thường cho bị hại P và T2 số tiền 5.765.000 đồng và buộc bị cáo R bồi thường cho bị hại P và T2 số tiền 2.882.500 đồng. Các bị hại Nguyễn Văn H1 và

Nguyễn Văn H2 đã nhận lại đủ các tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” và theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt phạt tiền là hình bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hoài T1 và Nguyễn Văn R là người bị kết án và phải bồi thường thiệt hại về tài sản nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Ngoài ra, đối với người đàn ông không rõ tên, địa chỉ đã mua chiếc xe mô tô biển số 83S5-7882 do bị cáo T1 và bị cáo R bán và đổi lấy ma túy sử dụng. Cơ quan điều tra chưa xác minh làm rõ được, khi nào làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoài T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05 tháng 10 năm 2018.

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn R (tên gọi khác: G) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 587 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoài T1 bồi thường cho bị hại Lâm Văn P và Hồ Thị T2 số tiền 5.765.000 đồng (năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng);

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn R bồi thường cho bị hại Lâm Văn P và Hồ Thị T2 số tiền 2.882.500 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hoài T1 và Nguyễn Văn R mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện M;
- CAND huyện M (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn